

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 70/2018/HNGĐ-ST
Ngày 07 tháng 8 năm 2018
V/v Yêu cầu ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Loan.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hùng Bích Cán bộ Hưu trí phường Mỹ Phước.

2. Ông Lê Thành Thật Phó Chủ tịch HĐND phường Mỹ Phước.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang mở phiên tòa sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 514/2017/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp “Yêu cầu ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2018/QĐST - HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 13/2018/TB-TA ngày 20 tháng 6 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Bà Đồ Thị A, sinh năm 1991.**

Địa chỉ: 571, Tổ 17, ấp Vĩnh Tường I, xã CP, thị xã TC, tỉnh An Giang. (có mặt).

*** Bị đơn: Ông Phạm Huy T, sinh năm 1991.**

Địa chỉ: ấp Mỹ An 1, xã X, thành phố LX, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

I. NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn nội dung đơn khởi kiện, và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn bà Đồ Thị A trình bày:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Giữa bà Đồ Thị A với ông Phạm Huy T đi đến kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức hôn lễ theo phong tục vào năm 2013, đến ngày 19/5/2014 mới thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CP, thị xã TC, tỉnh An Giang, thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2016 thì giữa hai vợ chồng có những mâu thuẫn do ông T có những mối quan hệ tình cảm bên ngoài, bà nhiều lần tha thứ nhưng ông T vẫn không thay đổi; nên từ đó hai vợ chồng cũng không còn quan hệ vợ chồng, cũng thỉnh thoảng mới gặp nhau do ông T lên nhà thăm con, nay tình cảm không còn nên bà đề nghị được ly hôn theo quy định pháp luật.

- **Về quan hệ con chung:** Giữa bà với ông T có 01 con chung tên là Phạm Ngọc B, sinh ngày 28/3/2016. Sau khi ly hôn bà A yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về quan hệ tài sản chung:** Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về quan hệ nợ chung:** Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 12/01/2018, ông Phạm Huy T trình bày và có ý kiến như sau:*

- **Về quan hệ hôn nhân:** Ông T cho rằng quan hệ tình cảm vợ chồng lâu nay không phải mâu thuẫn, chỉ thời gian này không có sinh hoạt vợ chồng, còn mọi chuyện vẫn diễn ra bình thường, ông vẫn thường xuyên lên trên nhà bà A để thăm lo cho vợ con, cũng như gia đình hai bên không muốn vợ chồng ông ly hôn, bản thân ông cũng không muốn ly hôn, việc phát sinh mâu thuẫn là do ông phải thường xuyên đi làm xa, có những mối quan hệ bạn bè bình thường chứ không phải tình cảm. Nay bà A yêu cầu ly hôn ông không đồng ý ly hôn, ngoài ra do con ông bà còn quá nhỏ nên ông không muốn ly hôn.

- **Về quan hệ con chung:** Giữa ông với bà A có 01 con chung là cháu Phạm Ngọc B, sinh ngày 28/3/2016, do con từ nhỏ đến giờ đã sống chung với bà A nên ông không muốn tranh giành chuyện nuôi con hay con ở với ai, bởi bản thân ông không muốn ly hôn.

- **Về quan hệ tài sản chung:** Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về quan hệ nợ chung:** Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

II. NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc gửi, tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật cho ông Phạm Huy T, ông Phạm

Huy T đã nhận trực tiếp hoặc thông qua người thân của ông T nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, cũng như ông T đã có mặt tại buổi tiếp nhận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 12/01/2018, điều này chứng tỏ ông T biết rõ nội dung bà A yêu cầu Tòa án giải quyết và cũng biết rõ việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ việc theo yêu cầu của bà A. Do vậy, tới nay việc ông T vắng mặt không làm ảnh hưởng tới việc đưa vụ việc ra giải quyết nên căn cứ vào 2 Điều 227 xét xử vắng mặt đối với bị đơn do vắng mặt lần thứ hai mà không có lý do chính đáng là có cơ sở pháp luật.

[2] Bà Đồ Thị A với ông Phạm Huy T trước khi đi đến kết hôn đã có thời gian tìm hiểu, việc kết hôn giữa hai ông bà là hoàn toàn tự nguyện; ông bà đã thực hiện đăng ký kết hôn theo đúng quy định của tại Điều 8 Luật Hôn nhân gia đình vào ngày 19/5/2014 tại Ủy ban nhân dân xã CP, thị xã TC, tỉnh An Giang.

Theo trình bày của bà A, ông T trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, thì giữa hai vợ chồng lâu nay không có quan hệ vợ chồng, có những mâu thuẫn phát sinh. Theo bà A thì ông T có những mối quan hệ bên ngoài, bà cũng đã nhiều lần tha thứ nhưng ông T vẫn tiếp diễn, còn ông T thì cho rằng: tình cảm vợ chồng lâu nay là không phải mâu thuẫn, mọi chuyện vẫn diễn ra bình thường ông vẫn lên nhà bà A để chăm sóc vợ con. Tại phiên tòa, bà A thừa nhận ông T có lên nhà thăm con, nhưng từ năm 2016 đến nay cả hai vợ chồng do không còn tình cảm nên không còn có những quan hệ vợ chồng và lần nào gặp thì cả hai cũng nảy sinh những bất đồng, nên bà đề nghị được ly hôn với ông T để có điều kiện ổn định về tư tưởng để chăm sóc cho con.

Nhận thấy, các đương sự còn trẻ trước khi đi đến kết hôn cũng đã có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, tuy nhiên giữa hai vợ chồng lại có những mâu thuẫn không thể hàn gắn, lại có khoảng cách về địa lý do ông T đi làm ăn xa, bà A cho rằng ông T có những mối quan hệ tình cảm bên ngoài, điều này không được ông T thừa nhận, nhưng từ năm 2016 đến nay giữa hai vợ chồng không còn có sự gắn kết về tình cảm vợ chồng, hai ông bà mỗi người sống ở hai nơi khác nhau, nên những sự rạn nứt tình cảm giữa hai vợ chồng là có, từ đó có đủ cơ sở xác định việc bà A yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Vì vậy, Tòa án nhận định việc tiếp tục duy trì cuộc sống chung vợ chồng giữa cả hai sẽ không thể gắn kết tình cảm vợ chồng, nếu tiếp tục duy trì sẽ làm đau khổ cho cả hai, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A đối với ông T.

[3] Về quan hệ con chung: Giữa bà A với ông T có 01 con chung là cháu Phạm Ngọc B, sinh ngày 28/3/2016, theo trình bày cũng như yêu cầu của bà A thì từ nhỏ tới giờ con chung do bà chăm sóc, nuôi dưỡng, ông T có thăm nom con, nhưng do việc cháu còn quá nhỏ, hơn nữa bà cũng đã chăm con từ nhỏ nên đề nghị được nuôi con, ông T không đề cập đến việc tranh chấp quyền nuôi dưỡng con chung vì ông không đồng ý ly hôn, xét yêu cầu nuôi con chung của bà A là chính đáng vì cháu còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, hơn nữa việc bà A nuôi con từ nhỏ nên không cần thiết phải thực hiện việc xác minh theo quy định tại Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào tình hình thực tế hiện nay cháu B còn nhỏ, lại đang được bà A chăm sóc, nuôi dưỡng nên chấp

nhận đề nghị của bà A về việc nuôi con chung, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà A không có yêu cầu.

[4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không có yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí:

+ Bà Đồ Thị A phải chịu án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm.

+ Ông Phạm Huy T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Áp dụng:**

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 143; khoản 1 Điều 146; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; điểm b khoản 1 Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật Thi hành án dân sự có hiệu lực ngày 01/7/2009.

*** Tuyên xử:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu của bà Đồ Thị A được ly hôn với ông Phạm Huy T.

- **Về quan hệ con chung:** Chấp nhận yêu cầu của bà Đồ Thị A về yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung chưa trưởng thành đối với cháu Phạm Ngọc B, sinh ngày 28/3/2016, nhưng bà Đồ Thị A phải tạo điều kiện cho ông Phạm Huy T trong việc tham nom, chăm sóc, giáo dục con chung và không được cản trở. Việc nuôi con chung không cố định.

+ Ông Phạm Huy T không phải thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con chung do bà Đồ Thị A không yêu cầu.

- **Về quan hệ tài sản chung:** Không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về quan hệ nợ chung:** Không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:**

+ Bà Đồ Thị A phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0018632 ngày 04/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

+ Ông Phạm Huy T không phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư ngụ.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh An Giang (01);
- VKSND tỉnh An Giang (01);
- VKSND TP. Long Xuyên (02);
- THADS Tp. Long Xuyên (01);
- UBND xã CP, thị xã TC, tỉnh An Giang (01);
- Lưu VP (01);

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Loan